

## THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ GIÁO DỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

Trần Văn Trung

Viện Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: trungtv@tdmu.edu.vn

### Article history

Received: 29/7/2022

Accepted: 20/8/2022

Published: 05/10/2022

### Keywords

Current situation, intellectual property, university, students

### ABSTRACT

Along with socio-economic development, the legal system on intellectual property has been increasingly improved. The system of documents and laws protecting intellectual property rights in Vietnam is a condition for promoting and developing relations on intellectual property rights and technology transfer in Vietnam in the process of national industrialization and modernization, as well as international integration. The effectiveness of intellectual property education activities for students would exert a significant influence on improving the quality of education and training at universities, gradually raising the rate of learning quality of students and building up the institution's status, reputation and brand. On the basis of assessing the current situation of intellectual property education for university students, the author proposes a number of measures to improve the efficiency of intellectual property education for students at some universities in Binh Duong province.

### 1. Mở đầu

Trong xu thế hội nhập quốc tế, nếu giáo dục ý thức pháp luật cho mọi người là điều kiện quan trọng để phát triển KT-XH của đất nước thì giáo dục sở hữu trí tuệ (SHTT) sẽ vừa là điều kiện tiên quyết, vừa là đòn bẩy để thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. “Xét trong bối cảnh quan hệ toàn cầu, và xem quyền SHTT là động lực thúc đẩy đầu tư và thương mại, thì việc bảo hộ quyền SHTT là một chiến lược đúng đắn nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững” (Cục Bản quyền tác giả và Cục Sở hữu công nghiệp, 2002, tr 5). Chất lượng giáo dục đại học cũng quyết định đến sự thành bại và lợi thế cạnh tranh của một tổ chức trên thị trường. Do đó công tác đào tạo đại học và phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức đang là vấn đề được các tổ chức quan tâm hàng đầu hiện nay. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định giải pháp: đổi mới căn bản công tác quản lý GD-ĐT, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD-ĐT; coi trọng quản lý chất lượng (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở GD-ĐT. Gắn kết chặt chẽ giữa GD-ĐT với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu KH-CN mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr 138.). Do vậy, giáo dục cho mọi người, cho cộng đồng nói chung và sinh viên (SV) trong các trường đại học nói riêng về SHTT là một tất yếu khách quan.

Điều 9, Luật SHTT đã quy định: “Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền SHTT của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan” (Văn phòng Quốc hội, 2019); Luật Giáo dục đại học đã xác định nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học: được bảo hộ quyền SHTT; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ (Quốc hội, 2013); Chính phủ đã yêu cầu các cơ sở GD-ĐT: tăng cường giáo dục kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan trong hệ thống trường học các cấp; Bộ GD-ĐT chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin đưa nội dung giảng dạy về quyền tác giả, quyền liên quan vào chương trình giáo dục đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp (Chính phủ, 2006).

Quy chế của Bộ GD-ĐT (2016) tại Điều 6, Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT đã quy định các hành vi SV không được làm: Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để đưa Luật SHTT vào nội dung giáo dục SV đại học.

Vụ Công tác lập pháp (thuộc Ban Công tác lập pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) đã nêu: vấn đề bảo hộ SHTT trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng trở nên đặc biệt quan trọng và cũng là mối quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia (Vụ Công tác lập pháp, 2006). Đây là vấn đề có tính cấp thiết, đòi hỏi những người làm công tác giáo dục phải có trách nhiệm nghiên cứu tìm hướng giải quyết.

Thời gian qua, các trường đại học trên địa bàn tỉnh Bình Dương đã thực hiện giáo dục SHTT cho SV và mang lại hiệu quả giáo dục nhất định. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và đánh giá thực trạng giáo dục SHTT cho SV ở các trường đại học tại tỉnh Bình Dương, tác giả đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục SHTT cho SV các trường đại học.

## **2. Kết quả nghiên cứu**

### **2.1. Phương pháp nghiên cứu**

Thực hiện đề tài này, tác giả đã sử dụng phương pháp chủ yếu là điều tra bằng bảng hỏi. Các câu hỏi đo mức độ theo thang thứ bậc Likert; thang đo 5 bậc với mức giá trị khoảng cách =  $(\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (5-1)/5 = 0.8$ ; sau đó sử dụng các phép kiểm định Independent-samples T-test kiểm tra sự khác biệt về mặt ý nghĩa trong việc đánh giá một nội dung nghiên cứu giữa CBQL, giảng viên (GV), SV, tính điểm trung bình (điểm TB) và độ lệch chuẩn để xác định sự đánh giá các ý kiến được khảo sát có sự khác biệt như thế nào?. Khách thể tham gia khảo sát là 390 CBQL, GV và SV, trong đó gồm có 90 CBQL, GV và 300 SV. Địa bàn khảo sát là 4 trường đại học trên địa bàn tỉnh Bình Dương, gồm Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Việt Đức và Trường Đại học Quốc tế Miền Đông. Thời gian khảo sát: năm học 2021-2022.

### **2.2. Tầm quan trọng của giáo dục sở hữu trí tuệ cho sinh viên trường đại học**

Tất cả các chuẩn mực xã hội (chính trị, pháp luật, đạo đức) đều thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi. Các chuẩn mực đạo đức, lối sống bao quát tất cả các lĩnh vực hoạt động sống của con người, mang tính phổ biến rộng rãi hơn và hướng về các mẫu hành vi cần được xây dựng trong tương lai; còn các chuẩn mực pháp luật hướng vào các kiểu hành vi đã được xây dựng (Trần Thị Tuyết Oanh, 2007).

Bảo hộ quyền SHTT ngày càng chiếm được vị trí nổi bật hơn ở cấp độ quốc gia và quốc tế. Các nhà hoạch định chính sách KT-XH đã dành sự quan tâm lớn hơn đối với tầm quan trọng của việc bảo hộ có hiệu quả tài sản thuộc SHTT (Shahid Alikhan, 2007).

Giáo dục SHTT có nhiệm vụ giới thiệu cho mọi người các chuẩn mực trong hoạt động sáng tạo, hoạt động lao động trí tuệ, các quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân Việt Nam trong sản phẩm trí tuệ của mình, thúc đẩy sự phát triển KT-XH. Vì vậy giáo dục SHTT phải gắn liền với giáo dục đạo đức, lối sống, ý thức công dân. Giáo dục SHTT sẽ hình thành những quan điểm, thái độ, hành vi, thói quen thực thi SHTT đối với những giá trị vật chất, giá trị tinh thần do bản thân tạo ra, đồng thời biết tôn trọng, bảo vệ những sản phẩm trí tuệ của người khác (Trần Lê Hồng, 2006).

Giáo dục SHTT là quá trình tổ chức hoạt động giáo dục nhằm hình thành cho SV những quan điểm, niềm tin, giá trị, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp với những chuẩn mực, những quy định của Luật SHTT và làm phát triển nhân cách SV theo mục đích giáo dục của trường đại học. Để hình thành cho SV những quan điểm, niềm tin, giá trị, động cơ, thái độ, hành vi, thói quen thực thi SHTT thì trước hết phải giáo dục cho SV ý thức pháp luật.

Như vậy, kết quả của giáo dục SHTT là nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người. Bản chất của quá trình giáo dục SHTT là quá trình tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm giúp người học tự giác, tích cực, độc lập thực thi bảo hộ quyền SHTT theo pháp luật của Việt Nam và quốc tế.

### **2.3. Thực trạng nhận thức về giáo dục sở hữu trí tuệ cho sinh viên các trường đại học tại tỉnh Bình Dương**

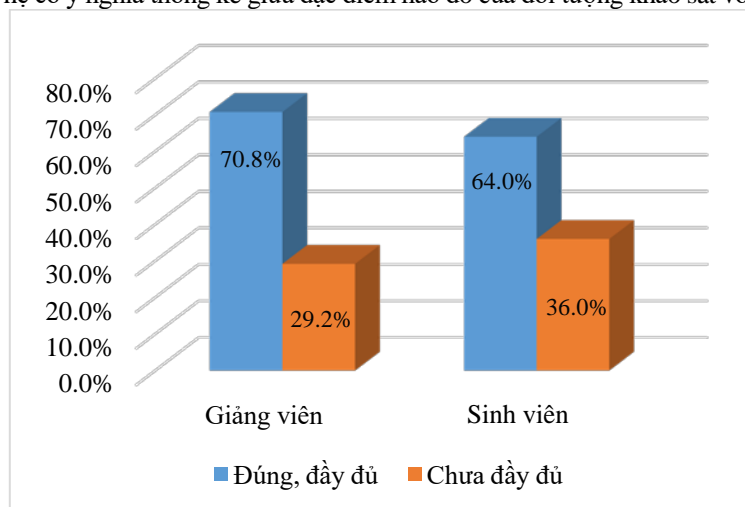
#### **2.3.1. Thực trạng hiểu biết về sở hữu trí tuệ của giảng viên và sinh viên các trường đại học tại tỉnh Bình Dương**

Để tìm hiểu về thực trạng nhận thức giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương, nhóm tác giả đã khảo sát thực trạng hiểu biết về SHTT của GV và SV các trường đại học. Kết quả thu được ở biểu đồ 1.

Biểu đồ 1 mô tả chi tiết về tỉ lệ GV và SV đối với việc hiểu đúng và đầy đủ về SHTT. Kết quả phân tích ở biểu đồ này cho thấy tỉ lệ GV hiểu đúng về SHTT là 70,8%; tỉ lệ này cao hơn so với SV (64,0%). Tuy nhiên, vẫn còn một tỉ lệ tương đối cao (29,2%) GV và (36,0%) SV chưa hiểu đầy đủ về SHTT. Thực trạng này cho thấy, đây là một vấn đề cần quan tâm và việc thực hiện giáo dục về SHTT là điều rất cần thiết.

Ngoài ra, để tìm mối quan hệ việc nhận thức đúng về kiến thức SHTT với các đặc điểm của đối tượng khảo sát, nghiên cứu sử dụng phép kiểm Chi-Square trong phân tích tỉ lệ, với cơ sở lí luận như sau: Nếu một đặc điểm nào đó của đối tượng khảo sát có mối quan hệ với kiến thức SHTT thì tỉ lệ kiến thức đúng về SHTT sẽ khác nhau giữa các

thành phần của đặc điểm đó, điều này xảy ra khi P.value <0,05 (mức ý nghĩa 5%), ngược lại nếu mức ý nghĩa >5% thì không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa đặc điểm nào đó của đối tượng khảo sát với hiểu biết về SHTT.



Biểu đồ 1. Thực trạng hiểu biết của GV và SV về SHTT

Bảng 1. Mối quan hệ giữa kiến thức SHTT với các đặc điểm của đối tượng khảo sát

Biến số	Giá trị Chi-Square	Giá trị Phi-Cramer'sV	P.value
<b>Giảng viên</b>			
Giới tính	0,317	0,39	0,711
Học vấn	0,231	0,051	0,891
Kinh nghiệm	3,367	0,195	0,338
<b>Sinh viên</b>			
Giới tính	0,711	0,049	0,339
Năm học	0,299	0,032	0,585
Ngành học	0,337	0,034	0,954

Kết quả phân tích mối quan hệ ở bảng 1 cho thấy tất cả các giá trị P.value đều >0,05, do đó, kiến thức về SHTT của SV và kiến thức SHTT của GV không có quan hệ có ý nghĩa thống kê với các đặc điểm của đối tượng khảo sát.

### 2.3.2. Thực trạng nhận thức về vai trò của quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ

Để tìm hiểu về thực trạng nhận thức giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương, nhóm tác giả đã khảo sát về thực trạng nhận thức về vai trò của quyền bảo hộ SHTT. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2. Ý kiến khảo sát của GV và SV về vai trò của quyền bảo hộ SHTT

TT	Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB	Thứ hạng
		1	2	3	4	5		
<b>I Đánh giá của cán bộ (CB), GV</b>								
1	Tạo động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ	0,0	0,0	9,0	34,8	56,2	4,47	4
2	Bảo vệ quyền lợi cho những nhà sản xuất	0,0	2,2	6,7	27,0	64,0	4,53	1
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và văn hóa của đất nước	0,0	1,1	7,9	32,6	58,4	4,48	3
4	Tạo điều kiện thuận lợi để thương mại quốc tế	0,0	1,1	7,9	30,3	60,7	4,51	2
5	Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc	0,0	3,4	15,9	27,3	53,4	4,31	6
6	Tạo ra giá trị to lớn từ những nhân hiệu, kiểu dáng độc quyền	0,0	1,1	7,9	34,8	56,2	4,46	5
Trung bình chung		<b>0,0</b>	<b>1,5</b>	<b>9,2</b>	<b>31,1</b>	<b>58,2</b>	<b>4,46</b>	

<b>II Đánh giá của SV</b>								
1	Tạo động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ	1,0	4,0	16,7	33,8	44,5	4,17	4
2	Bảo vệ quyền lợi cho những nhà sản xuất	0,7	2,0	19,7	30,7	47,0	4,22	2
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và văn hóa của đất nước	1,3	2,3	14,0	35,7	46,7	4,24	1
4	Tạo điều kiện thuận lợi để thương mại quốc tế	1,0	2,0	17,0	39,3	40,7	4,17	4
5	Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc	3,0	3,0	16,0	30,0	48,0	4,17	4
6	Tạo ra giá trị to lớn từ những nhãn hiệu, kiểu dáng độc quyền	1,3	2,7	18,3	31,0	46,7	4,19	3
Trung bình chung		<b>1,4</b>	<b>2,7</b>	<b>17,0</b>	<b>33,4</b>	<b>45,6</b>	<b>4,19</b>	

Nhận thức về vai trò của quyền bảo hộ SHTT được xác định qua 6 nội dung chính sau: Tạo động lực thúc đẩy nghiên cứu khoa học công nghệ; Bảo vệ quyền lợi cho những nhà sản xuất; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và văn hóa của đất nước; Tạo điều kiện thuận lợi để thương mại quốc tế; Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc; Tạo ra giá trị to lớn từ những nhãn hiệu, kiểu dáng độc quyền. Kết quả phân tích bảng 2 cho thấy, GV và SV có điểm TB đánh giá đều đạt trên 4,0 điểm: GV là 4,46 điểm ở mức độ “Rất quan trọng” và SV 4,19 điểm ở mức độ “Quan trọng”.

Đối với đánh giá của GV thì quyền bảo hộ SHTT có vai trò quan trọng nhất trong việc “Bảo vệ quyền lợi cho những nhà sản xuất; Tạo điều kiện thuận lợi để thương mại quốc tế” cả 2 nội dung này đều có điểm TB đánh giá ở mức trên 4,5 điểm, xếp hạng 1 và hạng 2; tương ứng với mức độ đánh giá là “rất quan trọng” đạt trên 60%. Ngoài ra, vai trò của quyền bảo hộ SHTT đối với các vấn đề khác được liệt kê ở trên đều có điểm TB đánh giá từ 4,31 đến 4,48, mức độ đánh giá “rất quan trọng”.

Đối với đánh giá của SV về vai trò của quyền SHTT với các nội dung của phát triển KT-XH thì có mức độ đồng đều hơn, số điểm TB dao động từ 4,17 đến 4,24 điểm, tương ứng với mức độ đánh giá là “quan trọng”.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy GV và SV đều có nhận thức đúng về vai trò của quyền bảo hộ SHTT trong phát triển KT-XH.

### 2.3.3. Thực trạng nhận thức về ý nghĩa giáo dục sở hữu trí tuệ cho sinh viên các trường đại học tại tỉnh Bình Dương

Nghiên cứu về thực trạng nhận thức giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương, nhóm tác giả đã khảo sát về thực trạng nhận thức về ý nghĩa giáo dục SHTT cho SV. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 3. Ý kiến khảo sát của GV và SV nhận thức về ý nghĩa giáo dục SHTT cho SV các trường đại học**

TT	Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB	Thứ hạng
		1	2	3	4	5		
<b>I Đánh giá của CB, GV</b>								
1	Vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác sau này	0,0	0,0	15,7	38,2	46,1	4,30	5
2	Có những kỹ năng cơ bản để thực thi Luật SHTT	0,0	0,0	19,1	37,1	43,8	4,25	7
3	Có thái độ đúng đắn đối với vấn đề bảo vệ quyền SHTT	0,0	0,0	9,1	42,0	48,9	4,40	3
4	Phát huy tính tích cực học tập của cho SV	0,0	0,0	15,9	38,6	45,5	4,30	5
5	Rèn luyện hành vi tự bảo vệ quyền SHTT của mình và không vi phạm quyền SHTT của người khác	0,0	1,1	5,7	33,3	59,8	4,52	1
6	Phát huy tính độc lập nghiên cứu khoa học của SV	0,0	0,0	9,1	40,9	50,0	4,41	2
7	Rèn luyện hành vi tự học cho SV	0,0	2,2	18,0	38,2	41,6	4,19	8
8	Đảm bảo quyền lợi cho SV có những sáng tạo mới	0,0	1,1	9,0	40,4	49,4	4,38	4
Trung bình chung		<b>0,0</b>	<b>0,6</b>	<b>12,7</b>	<b>38,6</b>	<b>48,1</b>	<b>4,34</b>	

II	Đánh giá của SV							
1	Vận dụng trong quá trình học tập cũng như công tác sau này.	0,0	2,3	16,3	39,7	41,7	4,21	3
2	Có những kỹ năng cơ bản để thực thi Luật SHTT	0,0	5,0	22,3	40,7	32,0	4,00	8
3	Có thái độ đúng đắn đối với vấn đề bảo vệ quyền SHTT	0,0	3,0	15,7	39,3	42,0	4,20	4
4	Phát huy tính tích cực học tập của cho SV	0,0	3,7	18,3	39,3	38,7	4,13	5
5	Rèn luyện hành vi tự bảo vệ quyền SHTT của mình và không vi phạm quyền SHTT của người khác	0,0	2,0	16,7	34,1	47,2	4,26	2
6	Phát huy tính độc lập nghiên cứu khoa học của SV	0,0	3,3	19,7	38,3	38,7	4,12	6
7	Rèn luyện hành vi tự học cho SV	0,0	3,3	19,7	39,7	37,3	4,11	7
8	Đảm bảo quyền lợi cho SV có những sáng tạo mới	0,0	4,6	14,7	35,7	47,0	4,31	1
Trung bình chung		<b>0,0</b>	<b>3,4</b>	<b>17,9</b>	<b>38,3</b>	<b>40,6</b>	<b>4,17</b>	

Việc nhận thức về ý nghĩa giáo dục SHTT cho SV các trường đại học được xác định qua 8 nội dung chính. Kết quả phân tích bảng 3 cho thấy điểm TB nhận thức của GV là 4,34 điểm (theo thang đo 5 điểm), tương ứng với mức độ “Rất quan trọng” là chủ yếu, trong khi đó đối với SV, điểm TB nhận thức của SV là 4,17, tương ứng với ở mức “Quan trọng” là chủ yếu. Với số điểm này thì đa phần GV và SV đều cho rằng giáo dục SHTT có ý nghĩa rất quan trọng.

Đối với GV, với ý nghĩa “Rèn luyện hành vi tự bảo vệ quyền SHTT của mình và không vi phạm quyền SHTT của người khác”, số điểm TB đạt 4,52 điểm, tương ứng mức độ “Rất quan trọng”, xếp hạng 1; ý nghĩa “Phát huy tính độc lập nghiên cứu khoa học của SV”, số điểm TB đạt 4,41 điểm, tương ứng mức độ “Rất quan trọng”, xếp hạng 2. Với ý nghĩa “Rèn luyện hành vi tự học cho SV”, có điểm TB là 4,19 điểm, với số điểm này tương ứng mức độ “Quan trọng”, xếp hạng 8. Bên cạnh đó kết quả cũng cho thấy vẫn còn 0,6% GV chưa nhận thức rõ ý nghĩa của việc giáo dục SHTT cho SV.

Đối với SV, với ý nghĩa “Đảm bảo quyền lợi cho SV có những sáng tạo mới”, số điểm TB đạt 4,38 điểm, tương ứng mức độ “Rất quan trọng”, xếp hạng 1; ý nghĩa “Rèn luyện hành vi tự bảo vệ quyền SHTT của mình và không vi phạm quyền SHTT của người khác”, số điểm TB đạt 4,26 điểm, tương ứng mức độ “Rất quan trọng”, xếp hạng 2. Và với ý nghĩa “Có những kỹ năng cơ bản để thực thi Luật SHTT”, có điểm TB là 4,00 điểm, với số điểm này tương ứng mức độ “Quan trọng”, xếp hạng 8. Bên cạnh đó kết quả cũng cho thấy có một số lượng lớn (3,4%) SV chưa nhận thức rõ ý nghĩa của việc giáo dục SHTT cho SV.

Nhìn chung cả GV và SV đều có nhận thức đúng và đầy đủ đối với ý nghĩa của giáo dục SHTT cho SV.

#### 2.3.4. Thực trạng sử dụng kênh thông tin để tìm hiểu về sở hữu trí tuệ ở các trường đại học tại tỉnh Bình Dương

Nghiên cứu về thực trạng nhận thức giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương, tác giả đã khảo sát về sử dụng kênh thông tin để tìm hiểu về SHTT. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Ý kiến khảo sát của GV và SV về sử dụng kênh thông tin để tìm hiểu về SHTT

TT	Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB	Thứ hạng
		1	2	3	4	5		
<b>I</b>								
<b>Đánh giá của CB, GV</b>								
1	Nghiên cứu Luật SHTT	5,6	22,5	41,6	16,9	13,5	3,11	4
2	Mạng Internet	0,0	9,0	22,5	40,4	28,1	3,88	1
3	Phát thanh, truyền hình	7,9	18,0	39,3	21,3	13,5	3,15	2
4	Báo chí, sách, tài liệu	9,0	19,1	33,7	38,2	0,0	3,01	5
5	Các lớp bồi dưỡng, tập huấn	16,9	20,2	38,2	15,7	9,0	2,80	6
6	Các kênh thông tin khác	7,9	20,2	40,4	14,6	16,9	3,12	3
Trung bình chung		<b>7,9</b>	<b>18,2</b>	<b>36,0</b>	<b>24,5</b>	<b>13,5</b>	<b>3,10</b>	
<b>II</b>								
<b>Đánh giá của SV</b>								
1	Nghiên cứu Luật SHTT	28,0	34,3	25,7	6,3	5,7	2,27	5



2	Mạng Internet	4,7	18,3	29,3	24,3	23,3	3,43	1
3	Phát thanh, truyền hình	11,0	29,7	36,0	15,3	8,0	2,80	2
4	Báo chí, sách, tài liệu	10,3	33,7	34,0	14,7	7,3	2,75	3
5	Các lớp bồi dưỡng, tập huấn	38,3	25,0	24,0	6,7	6,0	2,17	6
6	Các kênh thông tin khác	16,3	32,3	31,0	13,7	6,7	2,62	4
Trung bình chung		<b>18,1</b>	<b>28,9</b>	<b>30,0</b>	<b>13,5</b>	<b>9,5</b>	<b>2,67</b>	

Việc tìm hiểu về SHTT được xác định qua 6 kênh chính sau: Luật SHTT; Mạng Internet; Phát thanh, truyền hình; Báo chí, sách, tài liệu; Các lớp bồi dưỡng, tập huấn; Các kênh thông tin khác. Kết quả phân tích bảng 4 cho thấy điểm TB sử dụng các kênh thông tin này của GV là 3,10 điểm, tương ứng với mức độ “bình thường” là chủ yếu, trong khi đó đối với SV, mức độ trung bình sử dụng các kênh thông tin này là 2,67 điểm, với số điểm trên thì mức độ sử dụng các kênh thông tin này ở mức “thỉnh thoảng” và “bình thường” là chủ yếu.

Đối với GV, kênh thông tin được sử dụng nhiều nhất là qua “mạng Internet”, với kênh này điểm TB sử dụng đạt 3,88 điểm, tương ứng mức độ sử dụng “thường xuyên”, xếp hạng 1; Kênh thông tin có mức độ sử dụng thấp nhất là từ “các lớp tập huấn”, kênh này có điểm TB sử dụng là 2,88 điểm, tương ứng mức độ “bình thường là chủ yếu”, xếp hạng 6; bên cạnh đó kết quả cũng cho thấy có một số lượng lớn (16,9%) GV chưa từng được tham gia các lớp tập huấn về SHTT.

Đối với SV, kênh thông tin để tìm hiểu về SHTT được sử dụng nhiều nhất là “mạng Internet”, điểm TB sử dụng của kênh này là 3,43 điểm, tương ứng với mức độ sử dụng “thường xuyên”, xếp hạng 1. Cũng tương tự như GV, kênh thông tin từ việc “tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng” có điểm TB sử dụng thấp nhất 2,17 điểm, xếp hạng 6, cụ thể trong kênh này có đến 38,3% SV chưa từng được học tập hay tập huấn về SHTT.

Như vậy, mức độ sử dụng các kênh thông tin để tìm hiểu về SHTT của GV và SV chưa cao, chủ yếu ở mức độ bình thường. Kênh thông tin được cả GV và SV thường sử dụng nhất là “mạng Internet”. Các lớp bồi dưỡng và tập huấn chưa phát huy được vai trò cung cấp thông tin về SHTT cho cả GV và SV.

## 2.4. Đánh giá chung

### (1) Những ưu điểm

Đa số CB, GV và SV hiểu đúng và đầy đủ về SHTT.

Hầu hết CB, GV và SV đều có nhận thức đúng về vai trò của quyền bảo hộ SHTT trong phát triển KT-XH.

Các CB, GV và SV đều có nhận thức đúng và đầy đủ đối với ý nghĩa của giáo dục SHTT cho SV.

### (2) Những hạn chế

Vẫn còn một số CB, GV và SV chưa hiểu đúng và đầy đủ về SHTT; Một bộ phận SV chưa nhận thức đúng về vai trò của quyền bảo hộ SHTT trong phát triển KT-XH.

Mặc dù đa số SV nhận thức về ý nghĩa giáo dục SHTT cho SV các trường đại học, tuy nhiên mức độ chưa cao.

Hầu hết CB, GV và SV chưa được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về Luật SHTT;

### (3) Một số nguyên nhân của thực trạng trên

Cơ chế chính sách trong giáo dục đại học chưa đáp ứng được sự phát triển và xu thế hội nhập, nên đa số SV vẫn còn những suy nghĩ, cách làm chưa thực hiện đúng những quy định về SHTT.

Nhiều trường ĐH vẫn chưa đưa nội dung SHTT vào chương trình đào tạo, cũng như chưa coi trọng vấn đề giáo dục Luật SHTT cho SV.

Sự hiểu biết của toàn xã hội đối với vấn đề bảo hộ SHTT còn hạn chế. Trình độ dân trí còn thấp, chưa hình thành tập quán tôn trọng quyền SHTT của người khác; các chủ thể SHTT chưa chủ động thực hiện việc bảo vệ quyền và tài sản của mình mà còn mang nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại Nhà nước.

Do ảnh hưởng từ mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế, đời sống nhân dân trong nền kinh tế thị trường, vì lợi nhuận mà các công ty, cá nhân, gia đình, tổ chức... đã vi phạm nghiêm trọng về tài sản trí tuệ của cá nhân, tổ chức khác.

## 2.5. Một số biện pháp nâng cao nhận thức của sinh viên về sở hữu trí tuệ ở các trường đại học tại tỉnh Bình Dương

### (1) Nâng cao nhận thức của CB, GV và SV về vai trò, ý nghĩa của hoạt động giáo dục SHTT ở trường đại học

Đối với quá trình phát triển của nhà trường nói riêng, nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, việc nâng cao nhận thức cho CB, GV và SV là một khâu quan trọng và cần đặt lên hàng đầu, vì việc nâng cao nhận thức sẽ làm nền tảng dẫn đến việc nâng cao năng lực, thái độ, niềm tin, phát triển nghề nghiệp. Tạo sự nhất trí, đồng thuận ngay trong lãnh đạo ngành, nhà trường (Đảng bộ, Chi bộ, Ban Giám hiệu, Công đoàn trường, Đoàn trường, Hội SV và Khoa chuyên môn), trên cơ sở đó tạo thành quyết tâm chung của tập thể sư phạm trong toàn trường; từ đó, giúp CB, GV, SV nhận thức rõ tính cấp thiết và nhận thức đúng đắn về hoạt động giáo dục SHTT cho SV, đây là yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, là điều kiện trực tiếp để nâng cao chất lượng giáo dục.

(2) *Xây dựng đội ngũ CB viên chức, GV về SHTT*

CB viên chức, GV đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện chương trình giáo dục SHTT cho SV. Trong thực tế hiện nay, hầu như chưa có GV được đào tạo một cách căn bản về SHTT. Thậm chí, trong nhận thức của các cấp quản lý chỉ đạo vẫn chưa coi trọng việc giáo dục SHTT cho SV. Vì vậy, phải có nội dung chương trình, có dự án đào tạo GV về SHTT cho các trường đại học. Đối với CB, viên chức, GV được đào tạo chuyên môn về SHTT phải coi đây là một nhiệm vụ rất cơ bản trong giáo dục toàn diện cho SV, đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

(3) *Nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục SHTT cho GV, CB chuyên trách và SV*

Tổ chức hoạt động giáo dục SHTT cho SV đòi hỏi CB, GV không những phải có khả năng sư phạm, chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm mà còn liên tục cải tiến phương pháp giảng dạy và truyền cảm hứng để SV có ý thức tự học hỏi, rèn luyện, năng nổ, nhiệt huyết. Xây dựng đội ngũ CB, GV có năng lực tổ chức tốt giáo dục SHTT cho SV, giúp CB, GV nắm chắc kiến thức về lý thuyết, có khả năng thực hành tốt, có tay nghề vững vàng để hiệu quả giáo dục SHTT cho SV cao hơn.

(4) *Đa dạng hóa các hình thức giáo dục SHTT cho SV trong trường đại học*

Để nâng cao nhận thức của SV về SHTT, các trường đại học tại tỉnh Bình Dương cần đa dạng các hình thức giáo dục SHTT cho SV: - Tổ chức tập huấn, chuyên đề, hội thảo và các hoạt động ngoại khóa nhằm bồi dưỡng cho SV về SHTT; giáo dục cho SV có nhận thức và lối sống đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực xã hội, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; - Đoàn Thanh niên phối hợp với các bộ phận chuyên trách của nhà trường tổ chức tích hợp giáo dục SHTT cho SV vào các hoạt động theo các chủ đề mang tính truyền thống; - Tổ chức các hoạt động xã hội cho SV. Nhân dịp kỉ niệm những ngày lễ lớn trong năm học, nhà trường tổ chức cho SV tình nguyện,... tích hợp, lồng ghép giáo dục SHTT cho SV vào những hoạt động này sẽ giúp SV cùng cố và bồi dưỡng nhận thức về SHTT; + Đẩy mạnh giáo dục SHTT cho SV thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học.

### 3. Kết luận

Giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương đã đạt được những kết quả nhất định, hầu hết CB, GV và SV đều có nhận thức đúng về vai trò của quyền bảo hộ SHTT trong phát triển KT-XH; nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa của giáo dục SHTT cho SV. Tuy nhiên, nhận thức về giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương vẫn còn một số hạn chế, chưa hiểu đúng và đầy đủ về SHTT; một bộ phận SV chưa nhận thức đúng về vai trò của quyền bảo hộ SHTT trong phát triển KT-XH... Kết quả nghiên cứu thực trạng nhận thức về giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương sẽ làm cơ sở khoa học để nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục SHTT cho SV các trường đại học tại tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ GD-ĐT (2016). *Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy* (ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Chính phủ (2006). *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về tác giả và quyền liên quan* (ban hành kèm theo Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, ngày 21/9/2006).
- Cục Bản quyền tác giả và Cục Sở hữu công nghiệp (2002). *Các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập*. NXB Bản đồ.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục đại học*. Luật số 08/2012/QH13, ban hành ngày 18/6/2012.
- Shahid Alikhan (2007). *Lợi ích kinh tế - xã hội của việc bảo hộ sở hữu trí tuệ ở các nước đang phát triển* (Đỗ Khắc Chiến dịch). NXB Bản đồ.
- Trần Lê Hồng (2006). *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của trường đại học*. Tài liệu Hội thảo về hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
- Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên, 2007). *Giáo trình Giáo dục học* (tập 1). NXB Đại học Sư phạm.
- Văn phòng Quốc hội (2019). *Luật Sở hữu trí tuệ* (ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH ngày 25/6/2019).
- Vụ Công tác lập pháp (2006). *Những nội dung cơ bản của Luật Sở hữu trí tuệ*. NXB Tư pháp.